

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2022
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Ngọc Cảnh
2. Ông Nguyễn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1998 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, ấp TT, xã VT, huyện ThS, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Chị và anh C do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng càng ngày anh C càng bộc lộ tính vũ phu, thường xuyên đánh đập và chửi mắng chị khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do đó, từ tháng 01/2021 chị N đã mang theo con chung là cháu Nguyễn Thanh Th về nhà cha mẹ ruột ở Hậu Giang sinh sống đến nay. Trong thời gian bỏ đi anh C cũng không liên lạc, không có ý muốn hàn gắn, gia đình hai bên không có ý kiến. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 01/12/2014, hiện con đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để chị N và anh C thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì nội dung đã được trình bày rõ trong quá trình giải quyết vụ án. Anh C vắng mặt đến lần thứ hai không lý do và không có văn bản nêu ý kiến nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn anh C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Th cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng anh C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Hồng N và anh Bùi Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2019 do UBND xã VT, huyện Thoại Sơn cấp ngày 17 tháng 6 năm 2019). Anh Bùi Văn C có hộ khẩu thường trú tại: Ấp TT, xã VT, huyện ThS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn C vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét việc tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại UBND xã VT, huyện ThS, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn anh C thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị vô cớ, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ mong anh C thay đổi tính tình nhưng không được. Do không thể chịu đựng được tính vũ phu của anh C nên tháng 01/2021 chị N mang theo con nhỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Trong thời gian chị bỏ đi anh C cũng không có ý muốn hàn gắn, tính tình không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng lúc càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh C đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

[3.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng nhau trong cuộc sống. Quá trình chung sống, anh C không có sự tôn trọng đối với chị N mà lại có những hành động vũ lực khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tạo điều kiện hai bên hàn gắn nhưng anh C đều vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N cho thấy mâu thuẫn giữa cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, chị N được ly hôn anh C.

[4] Về con chung: Theo chị N trình bày chị và anh C có một con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 01/12/2014. Do vào thời điểm đăng ký khai sinh cho cháu Th, chị N và anh C chưa đăng ký kết hôn nên cháu theo họ mẹ và Giấy khai sinh để trống mục tên cha. Từ khi chị và anh C không còn chung sống thì cháu Th đều do chị N nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của cháu Th qua đó thể hiện nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống chung với mẹ (chị N) sau khi cha mẹ ly hôn. Xét yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và để cháu được ổn định tâm lý, cuộc sống nên giao cháu Th cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thanh Th cho chị Nguyễn Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị N về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng chị N vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của chị N trong việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Bùi Văn C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Bùi Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2019 do UBND xã VT, huyện ThS cấp ngày 17 tháng 6 năm 2019 cho chị Nguyễn Hồng N và anh Bùi Văn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 01/12/2014 cho chị Nguyễn Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu anh Bùi Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn C và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Hồng N. Chị Nguyễn Hồng N và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Bùi Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Anh Bùi Văn C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do Cnh đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã VT (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh